

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt,  
huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/06/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 18/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Hoàng Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;*

*Căn cứ văn bản tham gia ý kiến của các ngành tại: Văn bản số 8994/SXD-QH ngày 13/11/2022 của Sở xây dựng; Văn bản số 51/SNN&PTNT-KHTC ngày 05/01/2023 của Sở nông nghiệp và PTNT; Văn bản số 6967/SGTVT-KHTC ngày 22/12/2022 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 5820/SVHTTDL-XDNSVHGD ngày 13/12/2022 của Sở văn hóa về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.*

*Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 153/BC-KTHT ngày 11/5/2023 (Kèm theo Công văn số 8994/SXD-QH ngày 02/12/2022 của Sở xây dựng về việc ý kiến về hồ sơ Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030; Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 11/05/2023 của UBND xã Hoàng Đạt).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch**

**1.1. Tên đề án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

#### **1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới.**

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Xuân Lộc huyện Hậu Lộc;
- Phía Nam giáp xã Hoàng Đạo, TT Bút Sơn huyện Hoàng Hóa;
- Phía Tây giáp xã Hoàng Xuyên huyện Hoàng Hóa;
- Phía Đông giáp xã Hoàng Hà huyện Hoàng Hóa.

**1.3. Quy mô diện tích lập quy hoạch:** 588,33ha.

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.**

#### **2.1. Mục tiêu quy hoạch:**

- Cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Hoàng Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quy hoạch phải mang tính kế thừa và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Rà soát, bổ sung các quy hoạch đã và đang thực hiện trong đề án quy hoạch chung xây dựng xã.

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình, mục tiêu, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070; số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa.

- Cụ thể hóa Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030.

## **2.2. Tính chất, chức năng của xã.**

Theo quy hoạch vùng huyện Hoằng Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020, định hướng phát triển là vùng trung tâm của huyện, hội tụ đầy đủ các yếu tố về điều kiện tự nhiên, giao thông, hạ tầng thuận tiện cho việc phát triển, giao lưu kinh tế với các vùng lân cận, xây dựng thành vùng trung tâm hành chính của huyện. Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

## **3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

### **3.1. Quy mô dân số, lao động.**

- Dân số hiện trạng: 5.318 người.
- Quy mô dân số dự báo giai đoạn 2020 – 2030, như sau:
  - + Đến năm 2025: khoảng 6.370 người
  - + Đến năm 2030: khoảng 7.932 người
- Quy mô lao động (ước tính 60% – 70% dân số), tương ứng:
  - + Lao động đến năm 2025: 4.140 người.
  - + Lao động đến năm 2030: 5.156 người.

### **3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

#### **3.2.1. Về sử dụng đất:**

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Điểm dân cư nông thôn:
  - + Đất xây dựng nhà ở:  $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$ ;
  - + Đất xây dựng công trình công cộng và dịch vụ:  $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$ ;
  - + Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$ ;
  - + Đất cây xanh công cộng:  $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$ ;

*(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)*

#### **3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.**

- Cấp nước sinh hoạt: 60-80 lít/người/ngày-đêm;
- Cấp điện sinh hoạt:  $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$ ; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng  $\geq 50\%$ ;
- Nước thải sinh hoạt:  $\geq 80\%$  lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9kg rác/người/ngày/đêm.

#### **4. Phân khu chức năng.**

- Khu trung tâm xã.
- Tổ chức hệ thống công trình công cộng.
- Hệ thống các khu dân cư mới và cải tạo.
- Tổ chức các khu vực sản xuất.
- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng

#### **5. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã.**

##### **5.1. Khu trung tâm xã**

Khu trung tâm xã hiện nay đã và đang hình thành và xây dựng nằm trên trục đường huyện ĐH-HH.17. Tuy nhiên với định hướng chuyển vị trí trung tâm xã ra khu vực Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 1, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, bưu điện, nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện, trường học, trạm y tế, khu thương mại dịch vụ,...kết hợp với một khu cây xanh. Quy mô phát triển trung tâm xã khoảng 20,0ha.

##### **5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng.**

**5.2.1. Khu công sở xã:** Xây dựng mới tại khu vực Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 1, với diện tích khuôn viên 0,87ha.

##### **5.2.2. Hội trường Nhà văn hóa đa năng xã – Khu thể thao xã.**

a. Hội trường Nhà văn hóa đa năng xã: Xây dựng mới nằm trong khuôn viên công sở xã mở mới tại khu vực Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 1.

b. Khu thể thao xã: Quy hoạch mới tại khu vực Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 0,49ha.

c. Sân vận động xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 0,25ha, mở rộng với diện tích 1,42ha, diện tích sau mở rộng là 1,67ha.

##### **5.2.3. Nhà văn hóa – khu thể thao thôn.**

###### **a. Nhà văn hóa thôn.**

- Nhà văn hóa thôn Hạ Vũ 1: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,15ha.
- Nhà văn hóa thôn Hạ Vũ 2: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,07ha.
- Nhà văn hóa thôn Tam Nguyên: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,08ha.
- Nhà văn hóa thôn Trù Ninh: Quy hoạch mới tại khu vực Đồng Góc Đa thôn Trù Ninh với diện tích 0,20ha.

###### **b. Khu thể thao thôn.**

- Thôn Hạ Vũ 1: Bố trí trong khuôn viên diện tích khuôn viên nhà văn hóa thôn.

- Thôn Trù Ninh: Giữ nguyên vị trí hiện tại, mở rộng sân với diện tích 0,15ha, diện tích sau mở rộng là 0,41ha. Nâng cấp, cải tạo khuôn viên, đảm bảo nhu cầu sử dụng của nhân dân trong thôn.

- Thôn Hạ Vũ 2: Giữ nguyên vị trí, với diện tích 0,29ha. Mở rộng khuôn viên với diện tích 0,15ha, diện tích sau mở rộng là 0,44ha.

- Thôn Tam Nguyên: Giữ nguyên vị trí, với diện tích 0,26ha. Mở rộng khuôn viên với diện tích 0,16ha, với diện tích sau mở rộng 0,42ha.

Cần đầu tư các dụng cụ thể thao đơn giản về các bộ môn như bóng chuyền, cầu lông, xà đơn, xà kép, trang bị các trò chơi thiếu nhi và một số trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi.

- Cơ cấu công trình sân thể thao:

+ *Sân tập thể thao đơn giản*:  $\geq 250 m^2$

+ *Phòng tập đơn giản*:  $24m \times 12m$

**5.2.4. Công trình y tế:** Giữ nguyên vị trí trạm y tế xã tại thôn Hạ Vũ 1 diện tích 0,21ha.

#### **5.2.5. Công trình giáo dục.**

*a. Trường mầm non xã Hoàng Đạt:* Giữ nguyên vị trí tại thôn Hạ Vũ 1 với diện tích khu đất: 0,40ha, mở rộng với diện tích 0,25ha. Diện tích sau mở rộng là 0,65ha.

*b. Trường tiểu học xã Hoàng Đạt:* Giữ nguyên ở vị trí tại thôn Hạ Vũ 1 với diện tích khu đất 0,47ha, mở rộng với diện tích 0,42ha. Diện tích sau mở rộng là 0,89ha.

*c. Trường trung học cơ sở xã Hoàng Đạt:* Giữ nguyên vị trí tại thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 0,70ha, mở rộng 0,16ha, diện tích sau mở rộng là 0,86ha.

**5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã:** Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 0,03ha.

**5.2.7. Đài tưởng niệm:** Giữ nguyên vị trí trong khuôn viên công sở xã cũ tại thôn Hạ Vũ 1.

**5.2.8. Trụ sở công an xã:** Quy hoạch diện tích đất trụ sở công an 0,18ha tại khu vực Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 1.

**5.2.9. Nhà trực dân quân cơ động xã:** Quy hoạch Nhà trực dân quân cơ động xã 0,12ha tại khu vực Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 1.

**5.2.10. Chợ Chùa:** Quy hoạch mới Chợ tại khu vực Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 2 với diện tích 1,16ha.

**5.2.11. Khu vui chơi giải trí công cộng:**

- Giữ nguyên vị trí tại thôn Trù Ninh với diện tích 0,48ha.
- Khu vui chơi giải trí công cộng tại khu Đồng Bờ Rè thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 0,88ha.
- Khu vui chơi giải trí công cộng tại khu Đồng Sau Chùa thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 0,65ha.
- Khu cây xanh – công viên thôn Trù Ninh với diện tích 0,14ha.
- Khu cây xanh – công viên thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 0,26ha.
- Khu cây xanh – công viên thôn Tam Nguyên với diện tích 0,29ha.
- Khu cây xanh – công viên thôn Hạ Vũ 2 với diện tích 0,15ha.

**5.2.12. HTX dịch vụ nông nghiệp:** Giữ nguyên trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp vị trí hiện tại thôn Hạ Vũ 1 diện tích 0,03ha. Mật độ xây dựng: 60%, tầng cao: 1-4 tầng.

**5.2.13. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng, di tích, đình đền.**

- Di tích Chùa Trù Ninh: Giữ nguyên vị trí tại thôn Trù Ninh, diện tích hiện trạng là 0,13ha, quy hoạch mở rộng chùa với diện tích 0,62ha, diện tích sau mở rộng là 0,75ha.

- Di tích đền thờ Nguyễn Phan: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hạ Vũ 2, quy hoạch mở rộng Đền với diện tích 0,13ha, diện tích sau mở rộng là 0,26ha.

- Di tích Mộ và Đền thờ Lê Ngọc Xích: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hạ Vũ 2 với diện tích 0,03ha.

- Chùa Hoàng Môn: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hạ Vũ 2, quy hoạch mở rộng chùa với diện tích 0,55ha, diện tích sau mở rộng là 0,73ha.

**5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo.**

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 4 thôn: thôn Hạ Vũ 1, thôn Hạ Vũ 2, thôn Trù Ninh, thôn Tam Nguyên. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 43,38ha (Ký hiệu: DCHT-01 đến DCHT-58).

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 9,40ha (Ký hiệu: DCM-01 đến DCM-09).

**5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất.**

**5.4.1 Khu sản xuất nông nghiệp.**

- Đẩy mạnh việc tích tụ đất đai để tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến; tăng hiệu quả sản xuất.

- Định hướng phát triển vùng rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap tập trung ở khu vực Đồng Sông thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 6,50ha.

- Khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (khu trồng trọt ứng dụng nông nghiệp cao) tại Đồng Sông thôn Hạ Vũ 1 với diện tích 2,90ha.

- Tiếp tục phát triển ngành thủy sản theo Nghị quyết số 15-NQ/HU ngày 20/11/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hoằng Hóa. Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường nước, nuôi thả thủy sản theo các hình thức an toàn; tổ chức các lớp chuyển giao kỹ thuật nuôi và phòng bệnh cho tôm, cá; tăng cường áp dụng các tiên bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế NTTS. Đồng thời, khuyến khích người dân mở rộng diện tích nuôi thủy sản chất lượng cao kết hợp trồng cây ăn quả và bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Khu Đồng Đò thôn Trù Ninh với diện tích 0,18ha.

+ Khu Đồng Trại thôn Hạ Vũ 2 với diện tích 0,43ha.

#### **5.4.2. Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.**

- Cụm công nghiệp Đạt Tài tại Đồng Bãi Dứa thôn Trù Ninh với diện tích 27,0ha.

- Khu vực Đất Mạ Đồng Đò thôn Trù Ninh với diện tích 0,50ha.

- Khu vực Ao thôn Hạ Vũ 2 với diện tích 0,18ha.

#### **5.4.3. Khu vực xây dựng chức năng khác.**

- Khu thương mại dịch vụ Đồng Sau Chùa thôn Trù Ninh với diện tích 0,50ha.

### **6. Quy hoạch sử dụng đất**

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoằng Hóa và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

**Bảng 1: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030**

STT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>588,33</b>	<b>100,00</b>	<b>588,33</b>	<b>100,00</b>	<b>588,33</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>429,51</b>	<b>73,01</b>	<b>401,76</b>	<b>68,29</b>	<b>356,89</b>	<b>60,67</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	278,50	47,34	248,08	<b>42,17</b>	203,60	34,61
1.2	Đất lâm nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	146,76	24,95	145,92	24,80	145,53	24,74
1.4	Đất làm muối		0,00	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	4,25	0,72	7,76	1,32	7,76	1,32
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>120,98</b>	<b>20,56</b>	<b>148,77</b>	<b>25,29</b>	<b>193,64</b>	<b>32,91</b>
2.1	Đất ở	43,38	7,37	48,25	8,20	52,78	8,97
2.2	Đất công cộng	2,76	0,47	6,04	1,03	5,63	0,96
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,07	0,18	2,95	0,50	5,81	0,99
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,64	0,11	1,94	0,33	1,94	0,33
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,92	0,16	16,52	2,81	33,02	5,61
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,44	0,07	0,94	0,16	0,94	0,16
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	53,67	9,12	53,67	9,13	75,06	12,80
2.8.1	<i>Đất giao thông</i>	45,42	7,72	45,42	7,72	66,61	11,32
2.8.2	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>	0,14	0,02	0,14	0,02	0,14	0,02
2.8.3	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	8,07	1,37	8,07	1,37	8,07	1,37
2.8.4	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	0,04	0,01	0,04	0,01	0,24	0,04
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	18,10	3,08	18,10	3,08	18,10	3,08
2.10	Đất quốc phòng, an ninh		-	0,36	0,06	0,36	0,06
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>37,84</b>	<b>6,43</b>	<b>37,80</b>	<b>6,42</b>	<b>37,80</b>	<b>6,42</b>
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	35,54	6,04	35,54	6,04	35,54	6,04
3.2	Đất chưa sử dụng	2,30	0,39	2,26	0,38	2,26	0,38



## **7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.**

### **7.1. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.**

#### **7.1.1. Hệ thống giao thông:**

Hệ thống giao thông xã được chia 02 hệ thống: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội. Cụ thể:

##### **a. Hệ thống giao thông đối ngoại:**

- **Đường Đê Hữu Lạch Trường:** Qua xã với chiều dài 4,71km. Lòng đường: 9,0m; Hành lang đê: 5,0m ÷ 25,0m. Đạt tiêu chuẩn đê cấp III.

- **Đường Quốc lộ 10:** Qua xã với chiều dài 2,80km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường: 9,0m x 2; Đường gom: 7,5m x 2. Hè đường: 5,0m x 2; Phân cách 4,0 x 1 và 3,0m x 2. Lộ giới 53,0m.

##### **- Đường huyện:**

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến thị trấn Bút Sơn – Hoàng Trường ( ký hiệu ĐH-HH.13) qua xã với chiều dài 1,60km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 7,5m; Hành lang giao thông: 10,0mx2; Lộ giới: 27,5m. Đoạn qua khu dân cư với mặt cắt: Lòng đường 7,5m x 1; Lề đường 1,5m x 2; Lộ giới 10,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Hoàng Phúc – Hoàng Đạt – Hoàng Hà ( ký hiệu ĐH-HH.17) qua xã với chiều dài 5,35km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 7,5m; Hành lang giao thông: 10,0mx2; Lộ giới: 27,5m. Đoạn qua khu dân cư với mặt cắt: Lòng đường 7,5m x 1; Lề đường 1,5m x 2; Lộ giới 10,5m.

+ Quy hoạch mới tuyến Quốc Lộ 10 – Hải Tiến, qua địa bàn xã với chiều dài 1,0km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường 10,5m x 2; Hè đường: 6,25m x 2; Phân cách: 5,0m x 1. Lộ giới 37,5m.

+ Quy hoạch mới tuyến đường nối Quốc Lộ 10 – Hải Tiến đi ĐH-HH.17, qua địa bàn xã với chiều dài 0,42km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường 7,5m x 2; Hè đường: 5,0m x 2; Phân cách: 3,0m x 1. Lộ giới 28,0m.

##### **b. Hệ thống giao thông đối nội:**

- *Đường trục xã, liên xã: gồm 09 tuyến với tổng chiều dài 7,54km.*

+ Nâng cấp, cải tạo 06 tuyến hiện trạng (ký hiệu ĐTX.HĐ.01 - ĐTX.HĐ.04; ĐTX.HĐ.08 - ĐTX.HĐ.09) đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường: 5,0m x 2. Lộ giới: 17,5m.

+ Quy hoạch mở mới tuyến đường từ UBND xã đi Đê Lạch Trường (ký hiệu ĐTX.HĐ.05), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường: 5,0m x 2. Lộ giới: 17,5m.

+ Quy hoạch mở mới tuyến đường từ sân thể thao xã đến đường ĐH-HH.17 ( ký hiệu ĐTX.HĐ.06), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường: 5,0m x 2. Lộ giới: 17,5m.

+ Quy hoạch mở mới tuyến đường từ NVH thôn Hạ Vũ 2 đến Đê Lạch Trường ( ký hiệu ĐTX.HĐ.07), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường: 5,0m x 2. Lộ giới: 17,5m.

- *Tuyến đường trục thôn, liên thôn:* Nâng cấp cải tạo 18 tuyến, với tổng chiều dài 5,32km ( ký hiệu: ĐTT-HĐ.01 - ĐTT-HĐ.18) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Mặt đường: 4,5m; Lề gia cố: 1,0m x2; Lộ giới: 6,5m.

- *Tuyến đường ngõ xóm*: Nâng cấp, cải tạo gồm 12 tuyến với tổng chiều dài 2,18km (Ký hiệu ĐNX-HĐ.01 đến ĐNX-TĐ.12) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Mặt đường: 3,5m; Lê gia cố: 0,75mx2; Lộ giới: 5,0m.

### **7.1.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt**

- Cao độ các khu vực dân cư hiện trạng được giữ nguyên, các khu dân cư mới, cốt nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng. Khi thiết kế nâng cốt nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng. Đối với các khu nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tuân thủ quy hoạch được duyệt đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Thoát nước mặt: Tổng thể toàn xã được chia làm 04 tiểu vùng tiêu úng:

+ Tiểu vùng 1: Gồm diện tích thôn Tam Nguyên thoát nước theo hướng từ Nam lên Bắc, thoát ra sông Lạch Trường.

+ Tiểu vùng 2: Gồm diện tích thôn Hạ Vũ 2, thoát nước theo hướng Tây sang Đông nguồn nước thoát ra hệ thống kênh N15 sau đó ra sông Lạch Trường.

+ Tiểu vùng 3: Gồm diện tích thôn Hạ Vũ 1: thoát nước theo hướng từ Bắc xuống Nam sau đó thoát ra hệ thống sông Chìm.

+ Tiểu vùng 4: Gồm diện tích thôn Trù Ninh thoát nước theo hướng từ Tây sang Đông thoát nước ra hệ thống sông Goòng.

### **7.1.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.**

#### ***a. Nhu cầu cấp nước***

- Nước cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: nước dùng trong sinh hoạt, ăn uống cho người dân; nước dùng cho các công trình phục vụ công cộng như: Trường học, y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan; nước dùng cho trang trại chăn nuôi, gia súc, gia cầm; nước dùng cho các cơ sở sản xuất chế biến nông sản và các công nghiệp khác.

- Nhu cầu cấp nước đến năm 2025 là 1.192m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đến năm 2030 là 1.367m<sup>3</sup>/ngày đêm

#### ***b. Nguồn nước và mạng lưới đường ống.***

- Nguồn nước sạch: Được lấy từ Nhà máy nước Hoàng Vinh đến các hộ gia đình, công suất 25.000 (m<sup>3</sup>/ngđ)

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ nhà máy nước Hoàng Vinh chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa nối với đường ống cấp nước có đường kính  $\geq$ D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 100-150m.

#### ***c. Cấp nước:***

- Năm 2020 trên địa bàn xã đã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoàng Vinh công suất 25.000(m<sup>3</sup>/ngđ) được 90% tổng số hộ.

- Năm 2030 trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoàng Vinh công suất 25.000 (m<sup>3</sup>/ngđ) được 100% tổng số hộ.

#### **7.1.4. Hệ thống cấp điện**

##### **a. Nhu cầu điện**

- Điện cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: Điện dùng trong sinh hoạt ;Điện dùng cho các công trình phục vụ công cộng; Điện dùng trong sản xuất ....

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 1.725KVA. Đến năm 2030 là 2.148 KVA.

##### **b. Cấp điện**

- Nguồn điện: Trạm 110KV Hoàng Hóa, thông qua đường dây trung áp 35KV cấp cho xã.

- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây

+ Đường dây hạ thế 0,4KV với chiều dài 16,0m

+ Đường dây trung thế 35KV với chiều dài 4,0km

- Trạm điện: Giữ nguyên 6 trạm biến áp tại các vị trí hiện tại với tổng công suất 1.430KVA và các tuyến đường dây tải điện hiện có. Nâng cấp công suất các trạm biến áp sau: TBA số 3 (thôn Hạ Vũ 1); TBA số 4 (thôn Tam Nguyên); TBA số 6 (thôn Hạ Vũ 2) lên 320KVA; TBA số 1 (thôn Trù Ninh); TBA số 5 ( thôn Hạ Vũ 2 ) lên 400KVA; TBA số 2 ( thôn Trù Ninh) lên 500 KVA . Tổng công suất các trạm sau khi nâng cấp là 2.190 KVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

#### **7.1.5. Hạ tầng viễn thông thụ động**

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 4 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile. Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

#### **7.1.6. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

### **a. Hệ thống xử lý nước thải**

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung khu vực Đồng Cống Đá thôn Hạ Vũ 2 với diện tích 0,20ha.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải khu làng nghề và sản xuất kinh doanh tập trung tại khu vực Đồng Quyết Sau thôn Trù Ninh với diện tích 0,20ha.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

### **b. Hệ thống rác thải, chất thải**

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt đến năm 2025: 5.096 kg/ngđ; đến năm 2030 khoảng: 7.932kg/ngđ

- Theo Điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016. Cụ thể như sau:

+ Rác thải nông nghiệp: Rác thải từ các trang trại chăn nuôi tập trung được tái chế tại chỗ làm phân hữu cơ, làm Bioga sử dụng thắp sáng, đun nấu,...

+ Rác thải sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt của xã Hoàng Đạt được thu gom và vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải tập trung tại khu vực Còn Mí xã Hoàng Đức công suất xử lý 15(T/ngdem)

+ Rác thải y tế: Được thu gom và vận chuyển xử lý tại bệnh viện Đa Khoa Hậu Lộc.

### **c. Quy hoạch nghĩa trang**

Đối với các nghĩa trang hiện có đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường từng bước cải tạo, mở rộng diện tích, xây dựng hoàn thiện hạ tầng theo các quy định hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang.

## **7.2. Công trình hạ tầng phục vụ sản xuất**

### **a) Hệ thống giao thông nội đồng:**

- Cơ bản giữ nguyên mạng lưới hệ thống giao thông nội đồng hiện có. Mở rộng nền đường và nâng cấp mặt đường 3,0m ÷ 5,0m các tuyến trục chính đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hoá thuận tiện, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 6 tuyến (Ký hiệu: ĐNĐ-HĐ.01 đến ĐNĐ-HĐ.6) với tổng chiều dài 6,86km. Mặt đường: 3,0m; Lề đường: 1,0m x2; Lộ giới: 5,0m.

### **b) Hệ thống thủy lợi:**

- Quy hoạch chỉnh trang nạo vét, đắp bờ, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng với chiều dài 6,85km.

## **8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.**

### **8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật**

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

### **8.2. Các dự án hạ tầng xã hội**

- Dự án xây dựng mới các công trình di tích, công trình tín ngưỡng .
- Dự án mở rộng sân vận động xã.
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy; quân sự; Chợ
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn

**8.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

## **9. Tiến độ và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.**

### **9.1. Tiến độ thực hiện.**

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

### **9.2. Giải pháp tổ chức thực hiện**

- UBND xã Hoàng Đạt  
+ Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát thực hiện.

+ Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

+ Cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, xây dựng trên địa bàn xã.

+ Xây dựng kế hoạch cắm mốc chỉ giới quản lý các công trình hạ tầng thuộc địa phương để quản lý đúng quy hoạch phục vụ phát triển.

+ Vận động, tuyên truyền trong nhân dân thông hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt tiêu chí nông thôn mới.

+ Thường xuyên rà soát và báo cáo UBND huyện (Phòng kinh tế và hạ tầng) về tiến độ, khối lượng và các vướng mắc nếu có trong công tác thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã theo năm.

- Các phòng, ban, ngành huyện và đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Đạt tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đạt có trách nhiệm:
  - Hoàn thiện hồ sơ, đóng dấu bản vẽ và lưu trữ hồ sơ theo quy định;
  - Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.
  - Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.
  - Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.
2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Đạt tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng kinh tế và hạ tầng, phòng Tài nguyên Môi trường, phòng Tài Chính - Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, Chủ tịch UBND xã Hoàng Đạt và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận***

- Như Điều 3 QĐ (t/h);
- CT, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Hải**